| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN TÂN PHÚ**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 579/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Phạm Thị Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Cẩm V, sinh năm 1987; Địa chỉ: 39A Hoàng Ngọc Phách, phường Ph, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1983; Địa chỉ: 32A Hoàng Ngọc Phách, phường Ph, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà V có mặt, ông Ngh có đơn đề nghị vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn - bà Cao Thị Cẩm V trình bày:* Bà và ông Ngh tự nguyện chung sống vào năm 2004, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Hải, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 20/4/2017.

Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm về cách chăm sóc con, chi tiêu tiền bạc trong gia đình, vợ chồng thường gây gỗ, to tiếng với nhau. Ông bà đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Nay bà nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, vợ chồng không còn cuộc sống chung, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Ngh để dứt khoát trên pháp lý.

Về con chung: Bà và ông Ng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2006 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/9/2014. Khi ly hôn bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà V xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà V xác nhận không có.

*Bị đơn – ông Nguyễn Văn Ng trình bày:*

Trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra cự cãi và bà V đã dọn ra ngoài sống riêng. Nay khi bà V yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì muốn con cái có gia đình đầy đủ.

Về con chung: Ông xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2006 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/9/2014. Khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Ng khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Ng xác nhận không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết vụ án nhưng do bị đơn – ông Nguyễn Văn Ng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 28, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 40 do Ủy ban nhân dân xã Thành Hải, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 20/4/2017 thì quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Ng là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, cãi vả dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Ông Ng không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để hòa giải, điều đó cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn. Qua đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông Ng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Về con chung, bà V và ông Ng cùng có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, tuy nhiên xét nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con chung có cơ sở chấp nhận giao 02 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 40 do Ủy ban nhân dân xã Thành Hải, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 20/4/2017 thì quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Ng là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Ng đang cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự:

Bị đơn – ông Nguyễn Văn Ng có đơn đề ngày 26/5/2020 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ng.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết, bà V và ông Ng cùng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã, bà V đã dọn ra ngoài ở riêng. Ông Ng không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để hòa giải, điều đó cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, vợ chồng không còn cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà V và ông Ng cùng có yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2006 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/9/2014 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tại Bản tự khai ngày 30/6/2020, trẻ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2006 có nguyện vọng được ở với mẹ. Đối với con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/9/2014 , Hội đồng xét xử xem xét đến tâm sinh lý, quyền lợi về mọi mặt của trẻ nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận giao 02 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Ng do V không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Bà V khai không có, ông Nghĩa khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà V, ông Ng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà V được Tòa án chấp nhận, nên bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Cẩm V.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Cẩm V được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ng.

Quan hệ hôn nhân của bà Cao Thị Cẩm V và ông Nguyễn Văn Ng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 do Ủy ban nhân dân xã Thành Hải, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 20/4/2017) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/5/2006 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22/9/2014 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Ng do V không yêu cầu.

+ Ông Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, bà V có quyền yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà V khai không có; ông Nghĩa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V và ông Ng xác nhận không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Cao Thị Cẩm V chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà V đã nộp theo Biên lai thu số 0020507 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Cao Thị Cẩm V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Văn Ng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tuyết Nhung**